TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023
V/v: tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tạo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Công

Ông Đặng Văn Vững

***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Ôn Tú Trân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST - DS, ngày: 06/3/2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Trương Thái D, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: 287/23, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/5/2023.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Thái D trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết trình bày:

Ông Trương Thái D và ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982 nơi cư trú khu phố P, thị trấn C, huyện C là bạn làm chung công ty ở huyện C. Vào ngày 29/3/2021, ông Nguyễn Tấn T có mượn của ông D số tiền là 50.000.000 đồng, có làm giấy tay, thời gian mượn là 09 tháng thỏa thuận đến ngày 25/12/2021, ông T sẽ trả đủ số tiền

50.000.000 đồng cho ông D. Nhưng đến ngày trả tiền mượn ông T không trả đến ngày 12/12/2022, ông D làm đơn khởi kiện ông T.

Ông D yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn T trả cho ông D số tiền gốc vay chưa trả là 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 29/8/2021 cho đến ngày 22/12/2022 là 13.600.000 đồng, lãi suất là 1,66% 01 tháng không tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng số tiền mà ông D yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc vay và lãi suất còn nợ là 63.600.000 đồng, ông D tự nguyện không yêu cầu ông T trả lãi từ ngày 23/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông D cung cấp hợp đồng mượn tiền bản chính có chữ ký ghi tên Nguyễn Tấn T ngày 29/3/2021. Ông D làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 23/5/2023.

Bị đơn: ông Nguyễn Tấn T không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm

Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết về số tiền đã mượn của ông D, ông T cũng không làm văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện đòi tiền mượn của ông D và ông D yêu cầu ông T trả lãi của số tiền mượn là 13.600.000 đồng.

Ông Nguyễn Tấn T mặc dù nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trương Thái D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thái D, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng mượn tiền bản chính có chữ ký ghi tên Nguyễn Tấn T đề ngày 29/3/2021 có nội dung: Ông Nguyễn Tấn T sinh ngày 17/7/1982 số chứng minh nhân dân 301114381, nơi cư trú thị trấn C, huyện C. Vào ngày 29/3/2021 có mượn của ông Trương Thái D số tiền là 50.000.000 đồng để kinh doanh thời gian mượn là 09 tháng. Đúng ngày 25/12/2021, ông T cam kết sẽ trả đủ tiền mượn cho ông D. Như vậy có đủ căn cứ để xác định ông T có mượn và còn nợ ông Dương t đến ngày 26/12/2021 số tiền là 50.000.000 đồng.

[2.2] Bị đơn ông Nguyễn Tấn T mặc dù nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Tòa án tống đạt trực tiếp tại nhà do vợ và anh ruột của ông T ở chung nhà nhận, nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của ông T về yêu cầu trả tiền mượn và tiền lãi mà ông D yêu cầu.

[3] Xét thấy tại hợp đồng mượn tiền ngày 29/3/2021, ông D cho mượn tiền không có ghi lãi suất, ông D yêu cầu ông T trả lãi suất chậm trả nợ thời gian là 17 tháng tính đến ngày 12/12/2022, mức lãi suất là 1,66% một tháng x 17 tháng của số tiền 50.000.000 đồng là 13.600.000 đồng, tương đương với lãi suất 830.000 đồng 01 tháng và ông D không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc yêu cầu tính mức lãi suất 1,66% 01 tháng của ông D là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự là vay không có lãi và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Khoản 1 điều 468 quy định "Lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay". Như vậy lãi suất chậm trả nợ của ông T là 10%/ năm chia cho 12 tháng là 0,833% 01 tháng, tính trên số tiền 50.000.000 đồng thì mỗi tháng lãi suất chậm trả là 416.500 đồng x 17 tháng theo yêu cầu của ông D là 7.080.500 đồng. Ông D không biết quy định về mức lãi suất theo quy định bộ luật dân sự yêu cầu mức lãi suất cao hơn nên không tính án phí đối với phần lãi suất vượt quá quy định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Trương Thái D về phần lãi suất, buộc ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ trả cho ông Trương Thái D số tiền mượn còn nợ là 50.000.000 đồng và lãi suất chưa trả là 7.080.500 đồng, tổng số tiền gốc và lãi ông T phải trả là 57.080.500 đồng.

[4] Án phí: ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.854.025 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thái D đòi ông Nguyễn Tấn T trả tiền gốc và lãi vay còn nợ.

Buộc ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ trả cho ông Trương Thái D số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi vay còn nợ là 7.080.500 đồng, tổng cộng là 57.080.500 đồng (năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí:

Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 2.854.025 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại 1.590.000 đồng cho ông Trương Thái D đã nộp tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0011742 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND Huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS Huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tạo